

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THƯỜNG XUÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23/8/2024

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và bà Lê Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên  
tòa: Ông Vũ Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường  
Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số  
79/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá (có đơn đề nghị xét xử  
vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Nhung  
– Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà  
nước tỉnh Thanh Hoá (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Vi Văn N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá (có đơn đề nghị xét xử  
vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024; bản tự khai và quá trình giải quyết  
vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị C và anh Vi Văn N chung sống với nhau  
tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết  
hôn theo quy định tại UBND xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/3/2010.  
Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 vợ

chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh N hay ghen tuông vô cớ, không quan tâm gia đình và thường xuyên chửi bới, xúc phạm dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay chị C, anh N người nào biết người đó không còn quan tâm tới nhau, mặc dù hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên ngăn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con nhưng tình hình vẫn không cải thiện, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vi Văn N.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Thị Thuỳ T, sinh ngày 01/10/2009 và cháu Vi Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2013. Cháu Vi Thị Thuỳ T và cháu Vi Thị Quỳnh A đang ở cùng chị C, khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Thị Thuỳ Trang và cháu Vi Thị Quỳnh A. Chị Vi Thị C không yêu cầu anh Vi Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Chị Vi Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

*Về hôn nhân*: Chị Vi Thị C và anh Vi Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị C có đơn đề nghị ly hôn với anh N, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, giải quyết cho chị C được ly hôn với anh N.

*Về con chung*: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Thị Thuỳ T, sinh ngày 01/10/2009 và cháu Vi Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2013. Khi ly hôn chị C đề nghị được nuôi cháu T và cháu A, chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản; công nợ*: Chị C không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương để giao giấy triệu tập, niêm yết các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như các loại văn bản tố tụng khác cho anh Vi Văn N đến Tòa án để làm việc nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã điện thoại cho anh N về làm việc nhưng anh N vẫn không có mặt tại các buổi làm việc.

Sau khi Toà án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử bị đơn anh Vi Văn N đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh N đồng ý ly hôn với chị Vi Thị C.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh đồng ý về phần trình bày về con chung của chị C. Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Thị Thuỳ T, sinh ngày 01/10/2009 và cháu Vi Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2013. Khi ly hôn anh N đồng ý giao cháu Vi Thị Thuỳ T và cháu Vi Thị Quỳnh A cho chị Vi Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/6/2024 về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa chị C và anh N tại địa phương thể hiện: Chị C và anh N xây dựng gia đình với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã XL, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 03/3/2010, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, đến khoảng năm 2015 đến 2016 anh N và chị C có xảy ra mâu thuẫn, xung đột; gia đình đã khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không cải thiện được dẫn đến phải đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

+ *Nội dung*: Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị C được ly hôn anh Vi Văn N.

*Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 02 (hai) con chung là cháu Vi Thị Thuỳ T, sinh ngày 01/10/2009 và cháu Vi Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2013. Hiện cháu T và cháu A đang ở cùng chị C ổn định, nguyện vọng của hai cháu T và A là được ở với mẹ, anh N đồng ý giao cháu T và A cho chị C nuôi dưỡng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 giao cháu T và cháu A cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản, công nợ*: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí theo quy định của pháp luật.

Chị Vi Thị C và anh Vi Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vi Thị C khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Vi Văn N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Chị Vi Thị C và anh Vi Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị C là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C và anh N kéo dài, nguyên nhân do anh N thường xuyên ghen tuông vô cớ, không quan tâm gia đình và thường xuyên chửi bới, xúc phạm dẫn đến hôn nhân

vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình nội, ngoại, đã khuyên giải nhiều lần, nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị C và anh N đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, ngày 19/7/2024 chị C có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải mà giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn với anh N là có căn cứ.

- *Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 02 (hai) con chung là cháu Vi Thị Thuỳ T, sinh ngày 01/10/2009 và cháu Vi Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2013.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Vi Văn N ngày 19/8/2024, anh N trình bày, anh đồng ý ly hôn với chị C. Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Thị Thuỳ T, sinh ngày 01/10/2009 và cháu Vi Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2013. Anh N đồng ý giao cháu Vi Thị Thuỳ T và cháu Vi Thị Quỳnh A cho chị Vi Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, anh Vi Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy kể từ khi chị C và anh N sống ly thân cho đến nay cháu T và cháu A sống cùng với chị C, được chị nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục tốt, đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác cháu T và cháu Quỳnh A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu của chị C. Chị C có thu nhập, nhà cửa ổn định hàng tháng 4.000.000 đồng/tháng chị có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ*: Chị C và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81,82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 khoản 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vi Thị C.

Về hôn nhân: Chị Vi Thị C được ly hôn anh Vi Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Vi Thị Thuỳ T, sinh ngày 01/10/2009 và cháu Vi Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2013. Giao cả 02 (hai) cháu Vi Thị Thuỳ T và cháu Vi Thị Quỳnh A cho chị Vi Thị C trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Vi Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Chị Vi Thị C và anh Vi Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006400 ngày 27/5/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị C phải nộp, chị C đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị C, anh Vi Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- UBND xã Xuân Lạ, H. Thường Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Lê Thị Tâm**



